

Số: 145/TTr-UBND

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2016

**TỜ TRÌNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô;

Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô, cụ thể như sau:

**I. Quy trình xây dựng nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND**

Thực hiện Chương trình công tác số 11/CTr-UBND ngày 13/01/2016 của UBND Thành phố, trong đó Ủy ban nhân dân Thành phố giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan đề xuất điều chỉnh Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

Liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính đã tổ chức nhiều buổi làm việc với các cơ sở giáo dục công lập thí điểm chất lượng cao và các cơ sở giáo dục chất lượng cao, tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả 03 (ba) năm phát triển mô hình trường chất lượng cao; UBND Thành phố đã chủ trì họp với các Sở, ban,

ngành, đơn vị liên quan và Ban Văn hóa Xã hội - HĐND Thành phố bàn về phương án đề xuất mức trần học phí, cơ chế tài chính đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao.

Trên cơ sở đó, Liên Sở có Tờ trình số 4240/LN:GD&ĐT-TC ngày 07/11/2016 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

Tiếp thu ý kiến của các đại biểu tại cuộc họp tập thể UBND Thành phố và kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố, liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính đã chỉnh sửa và có Tờ trình số 4312/LN:GD&ĐT-TC ngày 15/11/2016; ý kiến kết luận tại cuộc họp thường trực Thành ủy ngày 21/11/2016, liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính đã chỉnh sửa và có Tờ trình số 4390/LN:GD&ĐT-TC ngày 22/11/2016 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số ~~2329~~STP-VBQP ngày ~~23~~11/11/2016 về việc dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

## **II. Đánh giá kết quả triển khai mô hình trường chất lượng cao và cơ chế tài chính các trường công lập chất lượng cao giai đoạn 2013-2016 theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND**

### **1. Kết quả đạt được về mô hình trường chất lượng cao**

#### **1.1. Số lượng các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thí điểm chất lượng cao và cơ sở giáo dục chất lượng cao**

##### *a) Cơ sở giáo dục công lập thực hiện thí điểm chất lượng cao*

Thực hiện Quyết định số 5445/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND Thành phố, năm học 2014-2015 có 10 trường thực hiện thí điểm chất lượng cao (gồm: 06 trường mầm non, 03 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở); năm học 2016-2017 có 05 trường thí điểm chất lượng cao (gồm 04 trường mầm non và 01 trường tiểu học). Trong thời gian qua 05 trường đã được công nhận trường chất lượng cao, vì vậy đến nay Thành phố còn 05 trường đang thực hiện thí điểm chất lượng cao.

Riêng Trường Trung học phổ thông Lê Lợi được UBND Thành phố phê duyệt thực hiện thí điểm trường chất lượng cao giai đoạn từ năm 2015-2018 nhưng do tình hình cơ sở vật chất chưa đảm bảo nên nhà trường chưa triển khai thực hiện.

##### *b) Cơ sở giáo dục chất lượng cao*

Đến nay toàn thành phố có 13 trường chất lượng cao (trong đó 08 trường công lập, 05 trường ngoài công lập).

*(chi tiết theo biểu số 01 đính kèm)*

## 1.2. Hiệu quả của mô hình chất lượng cao

Luật Thủ đô được thông qua trở thành căn cứ pháp lý chính thức cho việc triển khai mô hình trường chất lượng cao tại Thủ đô. Các trường chất lượng cao đầu tiên được công nhận là một mô hình trường học hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của học sinh trong bối cảnh hội nhập.

Sau một thời gian triển khai, mô hình này bước đầu đã được nhân rộng, nhận được sự ủng hộ của cộng đồng xã hội, sự tin tưởng của phụ huynh học sinh và đang từng bước khẳng định tính hiệu quả của mô hình.

Các trường chất lượng cao đã đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND (tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, dịch vụ giáo dục chất lượng cao).

Các trường được đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đạt tiêu chí về cơ sở vật chất theo quy định, trang thiết bị đồ dùng dạy và học được phát huy hiệu quả... đã đáp ứng một phần nhu cầu học tập và hoạt động chăm sóc, giáo dục học sinh. Từ sự thay đổi về cơ sở vật chất, các trường đã có điều kiện áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến giúp việc nâng cao chất lượng dạy và học trong các nhà trường.

Thêm vào đó chính là sự chuyển biến trong chất lượng đội ngũ giáo viên. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường cơ bản đủ về số lượng, tâm huyết với nghề nghiệp. Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn cao, không ngừng nỗ lực vươn lên, tự học, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, trình độ công nghệ thông tin; phương pháp giảng dạy luôn được đổi mới. Uy tín của nhà trường từng bước được khẳng định. Đội ngũ giáo viên của trường được trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp giáo dục nên đã vững vàng, chủ động và linh hoạt hơn trong việc triển khai các hoạt động giảng dạy. Vì vậy chất lượng giáo dục được nâng cao.

Ngoài ra ở mô hình trường chất lượng cao số học sinh trên lớp giảm, học sinh được chăm sóc, giáo dục, thụ hưởng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao phụ huynh đăng ký, được chăm sóc giáo dục trong môi trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm khám phá, thăm quan, dã ngoại, rèn kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng sống, phát triển tính độc lập, tích cực, sáng tạo; học sinh được tiếp nhận phương pháp dạy và học tiên tiến, tự chủ trong phương pháp học, biết khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin, linh hoạt và sáng tạo trong tự học; học sinh được tiếp cận với thực tế và học tập theo chuyên đề, được nghiên cứu trong phòng thí nghiệm thực hành; được học ngoại ngữ với giáo viên bản ngữ nên học sinh tự tin, năng động trong giao tiếp với người nước ngoài; được lựa chọn tham gia câu lạc bộ phù hợp với sở thích và năng lực bản thân đáp ứng nhu cầu giáo dục toàn diện.

Một số trường chất lượng cao bước đầu đã xây dựng được thương hiệu cho nhà trường thông qua chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất hiện đại, phương pháp giảng dạy tiên tiến và được phụ huynh học sinh tin tưởng, ủng hộ. Chính điều này đã tạo sự khác biệt giữa mô hình trường chất lượng cao và mô hình các trường công lập đại trà.

Từ những hiệu quả trên cho thấy, tính ưu việt của mô hình chất lượng cao đã đáp ứng được một phần khúc trong nhu cầu của phụ huynh, của học sinh hiện nay; sự chuyển biến năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ quản lý; sự chuyển biến tích cực, sáng tạo trong đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh trong các giờ học chính khóa và ngoài giờ; chất lượng dịch vụ và chất lượng dạy học được quản lý chặt chẽ, tính dân chủ, minh bạch trong công tác quản lý được nâng cao.

Xây dựng mô hình trường chất lượng cao là hướng đi đúng trong thời kỳ hội nhập, tạo tiền đề giúp ngành Giáo dục Thủ đô dẫn đầu cả nước về chất lượng giáo dục.

### **1.3. Về cơ chế tài chính trường chất lượng cao**

#### **1.3.1. Mức thu học phí năm học 2016-2017**

*a) Đối với trường công lập thực hiện thí điểm chất lượng cao*

- Trường mầm non: Mức thu học phí bình quân 1.750.000 đồng/tháng/học sinh (trường có mức thu thấp nhất 750.000 đồng/tháng/học sinh; trường có mức thu cao nhất 2.150.000 đồng/tháng/học sinh).

- Trường tiểu học: Tiểu học Tràng An có mức thu học phí 900.000 đồng/tháng/học sinh.

*b) Đối với trường công lập chất lượng cao:*

- Trường mầm non: Mức thu học phí bình quân 2.400.000 đồng/tháng/học sinh (trường có mức thu thấp nhất 1.560.000 đồng/tháng/học sinh; trường có mức thu cao nhất 3.200.000 đồng/tháng/học sinh).

- Trường tiểu học: Mức thu học phí bình quân 2.175.000 đồng/tháng/học sinh (trường có mức thu thấp nhất 1.700.000 đồng/tháng/học sinh; trường có mức thu cao nhất 2.650.000 đồng/tháng/học sinh).

- Trường trung học cơ sở: Trường trung học cơ sở Nam Từ Liêm có mức thu học phí 2.000.000 đồng/học sinh/tháng.

- Trường trung học phổ thông: Trường trung học phổ thông Phan Huy Chú có mức thu học phí 3.400.000 đồng/học sinh/tháng.

Trong số 08 trường công lập chất lượng cao có 02 trường có mức thu học phí đạt mức trần theo quy định tại Nghị quyết số 15 (trường Mầm non 20-10, trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa); 06 trường còn lại mức thu học phí đạt từ 53% mức trần (trường Tiểu học Nam Từ Liêm) đến 83% mức trần (trường Tiểu học đô thị Sài Đồng).

*(Chi tiết theo phụ biểu số 02 đính kèm)*

#### **1.3.2. Cơ chế hỗ trợ của ngân sách**

*a) Đối với các trường công lập thực hiện thí điểm chất lượng cao*

Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND quy định: “Cơ sở giáo dục công lập đang thực hiện thí điểm mô hình dịch vụ chất lượng cao trong năm học 2013-2014 chưa đạt tiêu chí để được công nhận là cơ sở giáo dục công lập chất lượng

cao được tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính đang áp dụng đến hết năm học 2014-2015. Từ năm học 2015-2016 trở đi, nếu chưa được công nhận là cơ sở giáo dục chất lượng cao được chuyển về cơ sở giáo dục công lập bình thường”; các trường thực hiện thí điểm chất lượng cao được nhà nước hỗ trợ kinh phí chi tiền lương theo quy định tại Quyết định 4862/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND Thành phố.

Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND quy định “Tiếp tục thực hiện hỗ trợ, đầu tư trang thiết bị cho các trường thí điểm mô hình chất lượng cao trong năm học 2015-2016”.

Số kinh phí ngân sách đã cấp cho các trường thí điểm chất lượng cao trong những năm qua (riêng trường Tiểu học Tràng An, quận Hoàn Kiếm là đơn vị tự chủ không được cấp kinh phí):

- Năm 2014: 09/10 trường thí điểm: 28.447 triệu đồng.
- Năm 2015: 06/7 trường thí điểm: 22.674 triệu đồng.
- Năm 2016: 04/5 trường thí điểm: 10.530 triệu đồng.

Ngoài ra, trong những năm qua các trường thí điểm chất lượng cao được ngân sách cấp kinh phí mua sắm, sửa chữa ngoài định mức số liệu cụ thể qua các năm như sau:

- Năm 2014: Tổng kinh phí ngoài định mức 9.020 triệu đồng cho 04 trường thí điểm chất lượng cao.
- Năm 2015: Tổng kinh phí ngoài định mức 12.000 triệu đồng cho 02 trường thí điểm chất lượng cao.

*b) Đối với các trường công lập chất lượng cao*

Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND quy định: “Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao đang thực hiện tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động chuyển đổi sang tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên được Ngân sách cấp hỗ trợ một lần kinh phí vào năm đầu thực hiện chuyển đổi với mức tối đa bằng mức kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ cho đơn vị năm trước liền kề năm chuyển đổi”.

Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND quy định: “Tiếp tục thực hiện cơ chế hỗ trợ ngân sách (tiền lương) cho các đơn vị giáo dục công lập chất lượng cao năm thứ 2 thực hiện chuyển đổi”.

Như vậy, các trường công lập được công nhận chất lượng cao năm học 2014-2015 được kéo dài thêm 01 (một) năm hỗ trợ của ngân sách (tiền lương).

Số kinh phí nhà nước cấp chi thường xuyên cho các trường công lập chất lượng cao trong những năm qua (riêng trường trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa là đơn vị tự chủ không được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi hoạt động thường xuyên):

- Năm 2014: 10.387 triệu đồng cấp cho 02 trường.
- Năm 2015: 19.101 triệu đồng cấp cho 05 trường.
- Năm 2016: 16.290 triệu đồng cấp cho 06 trường.

Ngoài ra, các trường công lập chất lượng cao được ngân sách cấp kinh phí mua sắm, sửa chữa ngoài định mức, cụ thể:

- Năm 2015: 7.247 triệu đồng cấp cho 02 trường.
- Năm 2016: 3.201 triệu đồng cấp cho 03 trường.

Với sự hỗ trợ của Ngân sách nhà nước cùng với khoản thu học phí từ người học các trường chất lượng cao bước đầu đã đảm bảo nhu cầu chi của đơn vị với cơ cấu chi từ 44% đến 64% cho hoạt động bộ máy, từ 36% đến 56% cho hoạt động dạy và học (chi khác).

### **1.3.3. Thu nhập của cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động**

Các cơ sở giáo dục chất lượng cao đã từng bước đảm bảo các chi phí phục vụ công tác dạy, học của nhà trường và bước đầu đã có nguồn để chi thu nhập tăng thêm cho giáo viên. Tuy nhiên quỹ thu nhập tăng thêm trong các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao mới chỉ đạt tối đa 0,9 lần quỹ tiền lương cấp bậc chức vụ trong năm (trường trung học phổ thông Phan Huy Chú-Đống Đa) theo quy định tại Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND quỹ thu nhập tăng thêm **không quá 2 lần**. Cá biệt có trường không có thu nhập tăng thêm như trường THCS Nam Từ Liêm.

## **2. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND**

### **2.1. Những khó khăn, tồn tại**

- Do các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao ngân sách hỗ trợ một lần kinh phí vào năm đầu thực hiện chuyển đổi từ năm thứ 2 (hai) trở đi đơn vị phải tự chủ về thu chi tài chính, đây là khó khăn đối với các trường trong giai đoạn đầu được công nhận.

Sau một năm được công nhận, nhiều trường vẫn chưa đủ thời gian để khẳng định chất lượng giáo dục, thương hiệu của trường để phụ huynh tin tưởng đóng mức học phí cao. Thêm vào đó tâm lý của cha mẹ học sinh vẫn quen được sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước khi cho con theo học tại các trường công lập. Vì vậy mức học phí tăng nhanh sẽ gây bất an cho phụ huynh vừa khiến nhà trường khó phát triển ổn định.

- Khi đơn vị được công nhận chất lượng cao, nhà nước chỉ đầu tư cơ sở vật chất ban đầu. Các đơn vị tổ chức thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo chế độ doanh nghiệp (nguồn kinh phí này để sửa chữa tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà nước đã đầu tư ban đầu). Tuy nhiên, hiện nay các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao chưa thực hiện trích khấu hao tài sản cố định do nếu tính thêm chi phí khấu hao tài sản cố định sẽ dẫn đến mức thu học phí tăng cao, điều này gây khó khăn cho các nhà trường (kinh phí trích khấu

non và phổ thông chất lượng cao ngày càng tăng, người dân mong muốn con em mình được học tập, rèn luyện trong một môi trường giáo dục tiên tiến, hiện đại, được thụ hưởng các điều kiện về cơ sở vật chất và giáo dục chất lượng cao. Mô hình trường chất lượng cao đã đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa nguồn lực đầu tư trọng điểm ban đầu của Nhà nước và nguồn xã hội hóa.

Thành phố Hà Nội tiếp tục phát triển hệ thống trường chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu người học và xã hội về một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại, tiếp cận với chuẩn khu vực và quốc tế.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Phân đầu giai đoạn 2016-2020, đầu tư xây dựng thêm 20 trường công lập chất lượng cao (thực hiện Chương trình 04/CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội).

## **IV. Đề xuất mức trần học phí và cơ chế tài chính đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao**

### **1. Mức trần học phí**

Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND quy định mức trần học phí đến năm học 2014-2015; được điều chỉnh từ năm học 2015-2016 cùng với việc xây dựng định mức phân bổ ngân sách và thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định. Do vậy mức trần học phí đã hết thời gian được áp dụng.

#### **1.1. Cơ sở xác định**

- Đảm bảo tính đủ chi phí cho hoạt động của trường chất lượng cao (theo các tiêu chí quy định tại Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND; Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND)

- Học phí của trường chất lượng cao bao gồm chi phí cho hoạt động như các trường công lập đại trà và chi phí cho chương trình chất lượng cao; trên cơ sở số liệu thực tế của các đơn vị đã được công nhận chất lượng cao.

#### **1.2. Đề xuất mức trần học phí cụ thể**

Căn cứ nguyên tắc và cơ sở xác định nêu trên, Liên Sở đề xuất mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

| STT      | Nội dung                              | Mức trần học phí năm học 2016 - 2017 | Mức trần học phí năm học 2017 - 2018 | Mức trần học phí năm học 2018 - 2019 | Mức trần học phí năm học 2019 - 2020 |
|----------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Trường Mầm non</b>                 |                                      |                                      |                                      |                                      |
| 1        | Mức trần - đề xuất                    | <b>3.900.000</b>                     | <b>4.300.000</b>                     | <b>4.700.000</b>                     | <b>5.100.000</b>                     |
| 2        | Số tiền tăng so với năm trước liền kề |                                      | 400.000                              | 400.000                              | 400.000                              |

| STT        | Nội dung                                           | Mức trần học phí năm học 2016 - 2017 | Mức trần học phí năm học 2017 - 2018 | Mức trần học phí năm học 2018 - 2019 | Mức trần học phí năm học 2019 - 2020 |
|------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 3          | Tỷ lệ % tăng mức trần so với năm học trước liền kề |                                      | 10,26%                               | 9,30%                                | 8,51%                                |
| <b>II</b>  | <b>Trường Tiểu học</b>                             |                                      |                                      |                                      |                                      |
| 1          | Mức trần - đề xuất                                 | <b>3.900.000</b>                     | <b>4.300.000</b>                     | <b>4.700.000</b>                     | <b>5.100.000</b>                     |
| 2          | Số tiền tăng so với năm trước liền kề              |                                      | 400.000                              | 400.000                              | 400.000                              |
| 3          | Tỷ lệ % tăng mức trần so với năm học trước liền kề |                                      | 10,26%                               | 9,30%                                | 8,51%                                |
| <b>III</b> | <b>Trường Trung học cơ sở</b>                      |                                      |                                      |                                      |                                      |
| 1          | Mức trần - đề xuất                                 | <b>4.100.000</b>                     | <b>4.500.000</b>                     | <b>4.900.000</b>                     | <b>5.300.000</b>                     |
| 2          | Số tiền tăng so với năm trước liền kề              |                                      | 400.000                              | 400.000                              | 400.000                              |
| 3          | Tỷ lệ % tăng mức trần so với năm học trước liền kề |                                      | 9,76%                                | 8,89%                                | 8,16%                                |
| <b>IV</b>  | <b>Trường Trung học phổ thông</b>                  |                                      |                                      |                                      |                                      |
| 1          | Mức trần - đề xuất                                 | <b>4.100.000</b>                     | <b>4.500.000</b>                     | <b>4.900.000</b>                     | <b>5.300.000</b>                     |
| 2          | Số tiền tăng so với năm trước liền kề              |                                      | 400.000                              | 400.000                              | 400.000                              |
| 3          | Tỷ lệ % tăng mức trần so với năm học trước liền kề |                                      | 9,76%                                | 8,89%                                | 8,16%                                |

Mức trần học phí của cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao được áp dụng từ năm học 2016-2017 đến hết năm học 2019-2020, được điều chỉnh từ năm học 2020-2021 cùng với việc xây dựng định mức phân bổ ngân sách và thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định.

Trên cơ sở mức trần học phí, hàng năm, thủ trưởng cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của địa bàn, cùng với cam kết thực hiện chất lượng giáo dục cao theo tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, kết quả kiểm định và mức hỗ trợ của ngân sách để quyết định mức thu học phí cụ thể sau khi có sự thống nhất của cơ quan quản lý cấp trên (theo phân cấp).

## **2. Cơ chế tài chính đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao**

*Phương án đề xuất:* Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao (trừ các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) được nhà nước cấp kinh phí trong 03 (ba) năm kể từ khi được công nhận theo lộ trình giảm dần:

- Năm đầu tiên cấp kinh phí chi thường xuyên theo định mức như các cơ sở giáo dục công lập cùng cấp học giảng dạy theo chương trình giáo dục đại trà.



- Năm thứ hai, năm thứ ba cấp kinh phí chi tiền lương, các khoản phụ cấp (theo quy định) và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở hiện hành cho số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Kết thúc 03 năm, các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao tự bảo đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên.

*Lý do đề xuất:*

- Thực hiện mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đầu tư xây dựng thêm 20 trường công lập chất lượng cao.

- Kế thừa nguyên tắc hỗ trợ ngân sách theo quy định tại Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND; Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố; đảm bảo sự công bằng trong việc hỗ trợ ngân sách giữa các trường đầu tiên được công nhận chất lượng cao với các trường đang phấn đấu chất lượng cao.

- Tạo điều kiện cho các đơn vị trong những năm đầu khi được công nhận chất lượng cao (tập trung cho việc nâng cao chất lượng, xây dựng uy tín và thương hiệu của nhà trường) có mức thu học phí phù hợp không gây đột biến với phụ huynh học sinh.

- Tạo điều kiện cho các trường có thời gian chuẩn bị tâm thế và nguồn lực tài chính để tiến tới tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên.

*Đánh giá phương án đề xuất*

- Các trường công lập chất lượng cao được ngân sách cấp kinh phí trong 03 năm đầu thực hiện; mức thu học phí tăng với tốc độ phù hợp, không gây đột biến với phụ huynh học sinh; tạo điều kiện cho các trường chủ động xây dựng kế hoạch chi tiêu tài chính, nâng cao chất lượng để khẳng định thương hiệu của nhà trường, thu hút học sinh; tiến tới tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên.

- Khắc phục khó khăn về chi phí cho bộ máy trong những năm đầu được công nhận. Tạo điều kiện để trường công lập chất lượng cao có đủ thời gian sắp xếp tổ chức bộ máy, tiến tới tự chủ về nhân sự.

**V. Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND cụ thể như sau**

**1. Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020**

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

| Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao | Mức trần học phí năm học 2016 – 2017 | Mức trần học phí năm học 2017 – 2018 | Mức trần học phí năm học 2018 - 2019 | Mức trần học phí năm học 2019 - 2020 |
|----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Trường Mầm non                         | 3.900.000                            | 4.300.000                            | 4.700.000                            | 5.100.000                            |

| Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao | Mức trần học phí năm học 2016 – 2017 | Mức trần học phí năm học 2017 – 2018 | Mức trần học phí năm học 2018 - 2019 | Mức trần học phí năm học 2019 - 2020 |
|----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Trường Tiểu học                        | 3.900.000                            | 4.300.000                            | 4.700.000                            | 5.100.000                            |
| Trường Trung học cơ sở                 | 4.100.000                            | 4.500.000                            | 4.900.000                            | 5.300.000                            |
| Trường Trung học phổ thông             | 4.100.000                            | 4.500.000                            | 4.900.000                            | 5.300.000                            |

*Mức trần học phí của cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao được áp dụng từ năm học 2016-2017 đến hết năm học 2019-2020, được điều chỉnh từ năm học 2020-2021 cùng với việc xây dựng định mức phân bổ ngân sách và thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định.*

## **2. Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND**

### **2.1. Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 như sau**

*"2. Ngoài việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, các cơ sở giáo dục công lập chất lượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công."*

### **2.2. Sửa đổi Khoản 2, Điều 2 như sau**

*"2. Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao. Các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao (trừ các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) được cấp kinh phí trong 03 (ba) năm kể từ khi được công nhận theo lộ trình giảm dần, kết thúc 03 (ba) năm đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên. Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao có trách nhiệm quản lý các nguồn kinh phí dân chủ, công khai minh bạch, chịu sự quản lý của Nhà nước, sự giám sát của phụ huynh học sinh và xã hội, đảm bảo tương xứng giữa chất lượng giáo dục với học phí do người học đóng góp và nguồn tài chính được đầu tư, sử dụng."*

### **2.3. Sửa đổi Khoản 1, Điều 4 như sau**

*"1. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết này."*

### **2.4. Sửa đổi Mục b, Khoản 2, Điều 8 như sau**

*"b. Chi khác, gồm: Chi phục vụ giảng dạy học tập, chi dịch vụ công cộng, văn phòng phẩm, sách tham khảo, điện nước, điều hòa, vật tư tiêu hao, nước uống học sinh, bảo trì trang thiết bị, tiền công trả theo hợp đồng vụ việc, học bổng học sinh giỏi, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản cố định, nghiên cứu khoa học, chi mua sắm tài sản, trang thiết bị; chi cho các hoạt động dịch vụ; chi kiểm định, đánh giá cơ sở giáo dục chất lượng cao; hoạt động Đoàn, Đội; các khoản chi khác (nếu có)."*

## **2.5. Sửa đổi Mục a, Khoản 1, Điều 10 như sau**

*"a) Bảo đảm tiền lương cơ bản theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp (theo quy định) cho cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động (trong biên chế và lao động hợp đồng từ 1 năm trở lên) theo mức lương cơ sở do Nhà nước quy định."*

## **2.6. Sửa đổi Điều 12 như sau**

*"Các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao được giao quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước."*

## **2.7. Sửa đổi Điều 14 như sau**

*"Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao (trừ các cơ sở giáo dục công lập là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) được Nhà nước cấp kinh phí trong 03 (ba) năm kể từ khi được công nhận theo lộ trình giảm dần:*

*+ Năm thứ nhất cấp kinh phí chi thường xuyên theo định mức như các cơ sở giáo dục công lập cùng cấp học giảng dạy theo chương trình giáo dục đại trà.*

*+ Năm thứ hai, năm thứ ba cấp kinh phí chi tiền lương, các khoản phụ cấp (theo quy định) và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở hiện hành cho số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.*

*Kết thúc 03 (ba) năm, các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao tự bảo đảm chi thường xuyên."*

## **VI. Giải pháp, thời gian thực hiện**

### **1. Giải pháp**

Để mô hình giáo dục chất lượng cao phát triển ổn định, bền vững; tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục chất lượng cao được tự chủ về tài chính đi đôi với tự chủ về nhân sự; cần có quy định cụ thể về cơ chế tự chủ nhân sự đối với các trường chất lượng cao.

### **2. Thời gian thực hiện**

Thời gian áp dụng mức trần học phí: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Ban Văn hóa Xã hội, Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND Thành phố;
- Văn phòng HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó CVP; KGVX, TKBT, KT, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX<sub>ch</sub> ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

43223(150)

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG CAO**(Kèm theo Tờ trình số: **445** /TTr-UBND ngày **24** tháng 11 năm 2016 của UBND Thành phố)

| STT        | Tên đơn vị                              | Loại hình |                | Thời gian bắt đầu được công nhận | Cơ quan chủ quản                 |
|------------|-----------------------------------------|-----------|----------------|----------------------------------|----------------------------------|
|            |                                         | Công lập  | Ngoài công lập |                                  |                                  |
| <b>A</b>   | <b>Các trường đã được công nhận CLC</b> | <b>8</b>  | <b>5</b>       |                                  |                                  |
| <b>I</b>   | <b>Mầm non</b>                          | <b>4</b>  | <b>0</b>       |                                  |                                  |
| 1          | Trường Mầm non đô thị Sài Đồng          | x         |                | 11/7/2014                        | Phòng Giáo dục Quận Long Biên    |
| 2          | Trường Mầm non 20-10                    | x         |                | 11/7/2014                        | Phòng Giáo dục Quận Hoàn Kiếm    |
| 3          | Trường Mầm non đô thị Việt Hưng         | x         |                | 26/8/2016                        |                                  |
| 4          | Trường Mầm non Việt Bun                 | x         |                | 26/8/2016                        | Phòng Giáo dục Quận Hai Bà Trưng |
| <b>II</b>  | <b>Tiểu học</b>                         | <b>2</b>  | <b>3</b>       |                                  |                                  |
| 1          | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm           |           | x              | 15/7/2014                        | Phòng Giáo dục Quận Nam Từ Liêm  |
| 2          | Trường Tiểu học Nguyễn Siêu             |           | x              | 26/01/2015                       | Phòng Giáo dục Quận Cầu Giấy     |
| 3          | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm             | x         |                | 06/8/2015                        | Phòng Giáo dục Quận Nam Từ Liêm  |
| 4          | Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng         | x         |                | 06/8/2015                        | Phòng Giáo dục Quận Long Biên    |
| 5          | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn              |           | x              | 31/12/2015                       | Phòng Giáo dục Quận Nam Từ Liêm  |
| <b>III</b> | <b>Trung học cơ sở</b>                  | <b>1</b>  | <b>0</b>       |                                  |                                  |
| 1          | Trường THCS Nam Từ Liêm                 | x         |                | 04/9/2015                        | Phòng Giáo dục Quận Nam Từ Liêm  |
| <b>IV</b>  | <b>Trung học phổ thông</b>              | <b>1</b>  | <b>2</b>       |                                  |                                  |
| 1          | Trường THPT Nguyễn Siêu                 |           | x              | 15/7/2014                        | Sở Giáo dục và Đào tạo           |
| 2          | Trường THPT Phan Huy Chú                | x         |                | 25/5/2015                        | Sở Giáo dục và Đào tạo           |
| 3          | Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm           |           | x              | 10/11/2015                       | Sở Giáo dục và Đào tạo           |
| <b>B</b>   | <b>Các trường đang thí điểm CLC</b>     | <b>5</b>  | <b>0</b>       |                                  |                                  |
| <b>I</b>   | <b>Mầm non</b>                          | <b>4</b>  | <b>0</b>       |                                  |                                  |
| 1          | Trường mẫu giáo mầm non B               | x         |                | 22/10/2014                       | Sở Giáo dục và Đào tạo           |
| 2          | Trường mẫu giáo Việt Triều hữu nghị     | x         |                | 22/10/2014                       | Sở Giáo dục và Đào tạo           |
| 3          | Trường mẫu giáo Quang Trung             | x         |                | 22/10/2014                       | Phòng Giáo dục Quận Hoàn Kiếm    |
| 4          | Trường Mầm non Mai Dịch                 | x         |                | 22/10/2014                       | Phòng Giáo dục Quận Cầu Giấy     |
| <b>II</b>  | <b>Tiểu học</b>                         | <b>1</b>  |                |                                  |                                  |
| 1          | Trường tiểu học Tráng An                | x         |                | 22/10/2014                       | Phòng Giáo dục Quận Hoàn Kiếm    |

**BẢNG TỔNG HỢP MỨC THU HỌC PHÍ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO**

(Kèm theo Tờ trình số: 145 /TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của UBND Thành phố)

Đơn vị: 1000 đồng/tháng/học sinh

| STT       | Đơn vị                                           | Mầm non      |              | Tiểu học     | Trung học cơ sở | Trung học phổ thông |
|-----------|--------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|-----------------|---------------------|
|           |                                                  | Nhà trẻ      | Mẫu giáo     |              |                 |                     |
| <b>A</b>  | <b>Năm học 2014 - 2015</b>                       |              |              |              |                 |                     |
| <b>I</b>  | <b>Đơn vị thực hiện thí điểm (bình quân)</b>     | <b>1,437</b> | <b>1,410</b> | <b>1,200</b> |                 |                     |
| 1         | Trường Mầm non Đô thị Việt Hưng - quận Long Biên | 1,360        | 1,860        |              |                 |                     |
| 2         | Trường Mầm non Việt Bun - quận Hai Bà Trưng      | 1,000        | 900          |              |                 |                     |
| 3         | Trường Mẫu giáo mầm non B                        |              | 1,500        |              |                 |                     |
| 4         | Trường Mẫu giáo Việt Triều hữu nghị              |              | 1,300        |              |                 |                     |
| 5         | Trường Mẫu giáo Quang Trung - quận Hoàn Kiếm     |              | 750          |              |                 |                     |
| 6         | Trường Mầm non Mai Dịch - quận Cầu Giấy          | 1,950        | 2,150        |              |                 |                     |
| 7         | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm - quận Nam Từ Liêm   |              |              | 500          |                 |                     |
| 8         | Trường Tiểu học Đô thị Sài Đồng - quận Long Biên |              |              | 2,200        |                 |                     |
| 9         | Trường Tiểu học Tráng An - quận Hoàn Kiếm        |              |              | 900          |                 |                     |
| 10        | Trường THCS Nam Từ Liêm - quận Nam Từ Liêm       |              |              |              | 40              |                     |
| <b>II</b> | <b>Đơn vị đã được công nhận (bình quân)</b>      | <b>2,270</b> | <b>2,525</b> |              |                 |                     |
| 1         | Trường Mầm non Đô thị Sài Đồng - quận Long biên  | 1,340        | 1,850        |              |                 |                     |
| 2         | Trường Mầm non 20-10 - quận Hoàn Kiếm            | 3,200        | 3,200        |              |                 |                     |
| <b>B</b>  | <b>Năm học 2015 - 2016</b>                       |              |              |              |                 |                     |
| <b>I</b>  | <b>Đơn vị thực hiện thí điểm (bình quân)</b>     | <b>1,467</b> | <b>1,508</b> | <b>900</b>   | <b>0</b>        |                     |
| 1         | Trường Mầm non Đô thị Việt Hưng - quận Long Biên | 1,450        | 1,950        |              |                 |                     |
| 2         | Trường Mầm non Việt Bun - quận Hai Bà Trưng      | 1,000        | 900          |              |                 |                     |
| 3         | Trường Mẫu giáo mầm non B                        |              | 1,800        |              |                 |                     |
| 4         | Trường Mẫu giáo Việt Triều hữu nghị              |              | 1,500        |              |                 |                     |
| 5         | Trường Mẫu giáo Quang Trung - quận Hoàn Kiếm     |              | 750          |              |                 |                     |
| 6         | Trường Mầm non Mai Dịch - quận Cầu Giấy          | 1,950        | 2,150        |              |                 |                     |
| 7         | Trường Tiểu học Tráng An - quận Hoàn Kiếm        |              |              | 900          |                 |                     |

| STT       | Đơn vị                                           | Mầm non      |              | Tiểu học     | Trung học cơ sở           | Trung học phổ thông |
|-----------|--------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|---------------------------|---------------------|
|           |                                                  | Nhà trẻ      | Mẫu giáo     |              |                           |                     |
| <b>II</b> | <b>Đơn vị đã được công nhận (bình quân)</b>      | <b>2,550</b> | <b>2,700</b> | <b>2,100</b> | <b>1,750</b>              |                     |
| 1         | Trường Mầm non Đô thị Sài Đồng - quận Long biên  | 1,900        | 2,200        |              |                           |                     |
| 2         | Trường Mầm non 20-10 - quận Hoàn Kiếm            | 3,200        | 3,200        |              |                           |                     |
| 3         | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm - quận Nam Từ Liêm   |              |              | 1,700        |                           |                     |
| 4         | Trường Tiểu học Đô thị Sài Đồng - quận Long Biên |              |              | 2,500        |                           |                     |
| 5         | Trường THCS Nam Từ Liêm - quận Nam Từ Liêm       |              |              |              | K6,7=1.600<br>K8,9 =1.900 |                     |
| 6         | Trường THPT Phan Huy Chú                         |              |              |              |                           | 3,200               |
| <b>C</b>  | <b>Năm học 2016 - 2017</b>                       |              |              |              |                           |                     |
| <b>I</b>  | <b>Đơn vị thực hiện thí điểm (bình quân)</b>     | <b>1,950</b> | <b>1,600</b> | <b>900</b>   |                           |                     |
| 1         | Trường Mẫu giáo mầm non B                        |              | 1,800        |              |                           |                     |
| 2         | Trường Mẫu giáo Việt Triều hữu nghị              |              | 1,700        |              |                           |                     |
| 3         | Trường Mẫu giáo Quang Trung - quận Hoàn Kiếm     |              | 750          |              |                           |                     |
| 4         | Trường Mầm non Mai Dịch - quận Cầu Giấy          | 1,950        | 2,150        |              |                           |                     |
| 5         | Trường Tiểu học Tráng An - quận Hoàn Kiếm        |              |              | 900          |                           |                     |
| <b>II</b> | <b>Đơn vị đã được công nhận (bình quân)</b>      | <b>2,365</b> | <b>2,528</b> | <b>2,175</b> | <b>2,000</b>              | <b>3,400</b>        |
| 1         | Trường Mầm non Đô thị Sài Đồng - quận Long biên  | 2,300        | 2,550        |              |                           |                     |
| 2         | Trường Mầm non 20-10 - quận Hoàn Kiếm            | 3,200        | 3,200        |              |                           |                     |
| 3         | Trường Mầm non Đô thị Việt Hưng - quận Long Biên | 1,560        | 2,060        |              |                           |                     |
| 4         | Trường Mầm non Việt Bun - quận Hai Bà Trưng      | 2,400        | 2,300        |              |                           |                     |
| 5         | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm - quận Nam Từ Liêm   |              |              | 1,700        |                           |                     |
| 6         | Trường Tiểu học Đô thị Sài Đồng - quận Long Biên |              |              | 2,650        |                           |                     |
| 7         | Trường THCS Nam Từ Liêm - quận Nam Từ Liêm       |              |              |              | K6,7=2.100<br>K8,9 =1.900 |                     |
| 8         | Trường THPT Phan Huy Chú                         |              |              |              |                           | 3,400               |

